

Bản án số: 14/2026/HS-ST

Ngày: 20- 3- 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa - giáo viên hưu trí
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm - giáo viên hưu trí

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Danh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 và ngày 20 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2026/HSST-QĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. PHẠM ANH T, sinh ngày 17/11/2006 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không nghề; Trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: H're; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công T1 và bà Phạm Thị T2; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, hình sự. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/6/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. PHẠM VĂN T3, sinh ngày 01/01/2005 tại xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không nghề; Trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: H're; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Phạm Thị T4; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, hình sự. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/8/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. PHẠM VĂN H, sinh ngày 18/6/2007 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không nghề; Trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: H're; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị R; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, hình sự. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/8/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

4. PHẠM VĂN H1, sinh ngày 10/7/2008 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không nghề; Trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: H're; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T5 và bà Phạm Thị L1; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, hình sự. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/11/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn H1: Ông Phạm Văn T5, sinh năm 1986 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; là cha mẹ của bị cáo; ông T5 có mặt, bà L1 vắng mặt

Người bị hại: Anh Phạm Văn H2, sinh năm 2002

Nơi cư trú: Thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn T5, sinh năm 1986 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; ông T5 có mặt, bà L1 vắng mặt;

2. Anh Phạm Văn T6, sinh năm 2008; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo pháp luật của anh T6: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1987 và bà Phạm Thị H3, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

3. Anh Phạm Văn H4, sinh năm 2007; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

4. Anh Phạm Văn P, sinh năm 2007; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

5. Anh Phạm Văn P1, sinh năm 2005; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

6. Anh Phạm Văn Đ (tên thường gọi là Bảo K), sinh năm 2007; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

7. Anh Phạm Hạ T7, sinh năm 2009; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo pháp luật của anh T7: Ông Phạm Văn Í, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; Bà Phạm Thị N, sinh năm 1987; Nơi cư trú: TDP K, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

8. Anh Phạm Duy N1, sinh năm 2007; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

9. Ông Phạm Văn H5, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Anh T: Bà Nguyễn Thùy D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T12 tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H1: Bà Phạm Thị Hà C - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T12 tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Phạm Văn H2: Bà Bùi Thị Thuyết A - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T12; có mặt

Người phiên dịch: Anh Phạm Trung V, sinh năm 2006; Nơi cư trú: thôn T, Xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người làm công tác xã hội: Bà Phạm Thị X- Đội trưởng đội Công tác xã hội thuộc Phòng Văn hóa –xã hội UBND xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người làm chứng:

- Anh Phạm Văn N2, sinh năm 2007; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

- Anh Phạm Văn P2, sinh năm 2009; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo pháp luật của anh P2: Ông Phạm Văn T8, sinh năm 1989 và bà Phạm Thị T9, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; anh P2 có mặt, bà T8, bà T9 vắng mặt;

- Anh Phạm Quốc V1 (tên thường gọi là Văn V2), sinh năm 2006; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

- Anh Phạm Quang H6 (tên thường gọi là Đ1), sinh năm 2007; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

- Anh Phạm Duy N3, sinh năm 2008; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

- Anh A L2, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Thôn V, xã K, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

- Anh Phạm Thành T10, sinh năm 2009; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo pháp luật của anh T10: Bà Phạm Thị S1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

- Anh Phạm Văn H7, sinh năm 2006; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

- Anh Phạm Văn H8, sinh năm 2003; anh Phạm Văn K1, sinh năm 2000 và anh Phạm Xuân Q, sinh năm 2004; cùng nơi cư trú: Thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

- Anh Phạm Văn S2, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 00 phút, ngày 04/8/2024, bốn bị cáo Phạm Văn T3, Phạm Văn H, Phạm Văn H1, Phạm Anh T cùng với nhóm thanh niên Phạm Văn T6 (sinh năm 2008), Phạm Thành T10 (sinh năm 2009), Phạm Văn H7 (sinh năm 2006); Phạm Văn H4 (sinh năm 2007), Phạm Văn P (sinh năm 2007), Phạm Văn P1 (sinh năm 2005); Phạm Văn N2 (sinh năm 2007), Phạm Văn P2 (sinh năm 2009), Phạm Duy N1 (sinh năm 2009); Phạm Quốc V1 (tên thường gọi là Văn V2, sinh năm 2006), Phạm Quang H6; Phạm Hạ T7 (sinh năm 2009), Phạm Văn Đ (sinh năm 2007); Phạm Duy N3 (sinh năm 2009) ở xã B, tỉnh Quảng Ngãi tổ

chức uống rượu tại xã B (cũ) xong, tiếp tục uống rượu tại xã B (cũ). Sau khi uống hết rượu, cả nhóm rủ cùng nhau điều khiển xe mô tô đến chân đèo Vi ô lắ gặp A L2 để nói chuyện. Sau đó cả nhóm xuống địa bàn xã B, huyện B (nay là xã B), tỉnh Quảng Ngãi để dạo chơi. Khi đến đoạn đường thuộc Quốc lộ B thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ngãi thì nhóm thanh niên trên gặp nhóm bị hại Phạm Văn H2, Phạm Văn H8 (sinh năm 2003), Phạm Văn K2 (sinh năm 2000), Phạm Văn S2 (sinh năm 2004), Phạm Văn Q1 (sinh năm 2004) và Phạm Văn H9 (sinh năm 1991) đều xã B, tỉnh Quảng Ngãi đang ngồi uống bia tại khu vực ven đường Quốc lộ 24 gần vị trí rẫy keo của ông Phạm Văn T11 thuộc thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

Do có quen biết với bị cáo T3 từ trước nên S2, Q1 rủ bị cáo T3 và một số người bạn trong nhóm của T3 vào uống bia cùng, số người còn lại trong nhóm T3 đứng ở ngoài chỗ dựng xe mô tô, cách vị trí ngồi uống bia 40,5 m. Đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 04/8/2024, cả nhóm uống hết bia nên ra về. Khi ra vị trí để lấy xe, bị cáo Phạm Văn T3 nghe Phạm Văn P, Phạm Văn H1 nói về việc bị Phạm Văn H2 dùng tay đánh vào bụng và bóp tay của P và H1 nên T3 nói P và H1 quay lại gặp H2 để hỏi vì sao lại đánh P và H1. Sau đó P, H1 cùng Phạm Văn H, Phạm Văn T6, Phạm Anh T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn P1, Phạm Văn H4 quay lại gặp H2 để hỏi chuyện. Khi gần đến chỗ H2 thì P, Đ, P1, H4 ở bên kia đường, chỉ có T6, T, H1 đi vào trong chỗ H2 đang nằm. Tại đây, T6 hỏi nhóm của H2 ai là người đánh bạn của T6, lúc này S2 và H8 lên xe bỏ chạy thì T6 cầm theo mũ bảo hiểm đuổi theo nhưng không đánh và không gây thương tích cho ai; còn bị cáo Phạm Anh T thấy H2 im lặng không trả lời câu hỏi của P nên T đến chỗ H2 để hỏi chuyện thì Phạm Văn H2 dùng tay đánh T nhưng không trúng người T nên T dùng tay đánh lại H2 và cả hai ôm vật nhau đồng thời T nói to “nó đánh em”. Cùng lúc đó bị cáo Phạm Văn H1 tiến đến dùng tay, chân đánh trúng vào người của H2. Lúc này, T3 đang ở khu vực để xe khi nghe tiếng T la nên đã lấy dao chạy đến chỗ của T và H2 đang vật nhau, T3 dùng tay phải cầm dao chém H2 nhưng do trời tối bị cáo T và bị hại H2 mặc áo trắng giống nhau nên vết dao trúng nhầm vào lưng của bị cáo T. Sau đó bị cáo T3 nhắm vào lưng của H2 để chém nhưng do bị cáo T đẩy H2 ra nên nhát dao trúng vào đầu của H2. Hùn ôm đầu thì bị cáo T3 sợ không chém nữa mà bỏ ra chỗ để xe ra về. Còn H, P, H4, Đ, P1 đứng bên kia đường thấy mọi người chạy ra về cũng theo sau ra chỗ để xe đi về. Riêng bị cáo H trước khi ra về thấy một điện thoại Iphone 11 Promax rơi dưới đường và phát sáng màn hình cách vị trí H2 nằm khoảng 6,7m nên đã nhặt điện thoại lên và đập mạnh xuống lòng đường làm hư hỏng hoàn toàn điện thoại của H2 rồi cùng cả nhóm bỏ đi.

Về phần bị cáo T, sau khi đẩy Hùn về phía bị cáo T3, T bức tức việc H2 đánh mình nên liền sau đó T chạy đến vị trí chỗ để xe lấy dao rồi quay lại thấy H2 đang hai tay ôm và nằm úp bên lề đường nên T dùng dao chém nhiều nhát vào vùng lưng, vai, tay của H2 rồi T mới ra vị trí nhóm T3 cùng lên xe bỏ về. Khi đến cầu S, Phạm Duy N1 nghe kể lại việc bị cáo T3, bị cáo T đã sử dụng hai con dao mà N1 đã mang theo dùng để đánh, chém gây thương tích cho H2 nên N1 đã lấy lại dao, sau đó lo sợ nên đã mang hai con dao này đi đến cầu S và vứt xuống cầu trước khi về nhà. Hậu quả làm cho Phạm Văn H2 bị thương tích ở vùng lưng,

vùng đầu và tay và làm hư hỏng của H2 01 điện thoại Iphone 11 Promax. Phạm Văn H2 được H8, S2 đưa đi cấp cứu tại T huyện B.

Kết luận giám định số: 309/KLTTCT-TTPY ngày 13/9/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh T12 kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống đối với Phạm Văn H2, cụ thể:

* Các kết quả chính:

- Sẹo vùng lưng trái kích thước (6x0,2)cm: 02%.
- Sẹo vùng lưng trái kích thước (10x0,2)cm: 02%.
- Sẹo vùng lưng trái kích thước (7x0,2)cm: 02%.
- Sẹo vùng lưng trái kích thước (10x0,2)cm: 02%.
- Sẹo vùng lưng trái kích thước (3x0,5)cm: 02%.
- Sẹo vùng lưng trái kích thước (12x0,2)cm: 02%.
- Sẹo vùng bả vai phải kích thước (5x0,4)cm: 01%.
- Sẹo đỉnh đầu kích thước (5x0,1)cm: 01%.
- Sẹo mu bàn tay phải kích thước (1x0,5)cm: 01%.
- Sẹo vùng lưng phải kích thước (4,8x0,2)cm: 01%.
- Sẹo vùng lưng phải kích thước (2x0,4)cm: 01%.
- Sẹo vùng lưng phải kích thước (2x0,2)cm: 01%.

* Kết luận: Tổng tỷ lệ: 17,44%, làm tròn 17% (Mười bảy phần trăm). (Áp dụng phương pháp cộng tại khoản 4 Điều 3 và Điều 4 của thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y).

- Các tổn thương trên phù hợp vật sắc nhọn gây thương tích.
- Cơ chế hình thành các tổn thương trên do vật sắc nhọn tác động trực tiếp.
- Chiều hướng tác động không xác định được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận như sau: 01 (một) điện thoại di động IPHONE 11 PROMAX, vỏ màu vàng, bị hư hỏng hoàn toàn không còn sử dụng được tại thời điểm tháng 08/2024 có giá trị là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)

Tại Bản Cáo trạng số: 08/CT – VKSKV6 ngày 11/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Phạm Anh T, Phạm Văn T3 và Phạm Văn H1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Anh T, Phạm Văn T3 và Phạm Văn H1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo T3 từ 15 tháng đến 18 tháng tù; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 54 Bộ luật hình sự và Điều 119, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng tù; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134,

điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự và Điều 118, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo H1, từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Hủy hoại tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và Điều 118, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên để xử phạt bị cáo H từ 6 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về phần dân sự: Bị hại H2 yêu cầu tiền xe cấp cứu 800.000 đồng, tiền thuốc 1.500.000 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 3.500.000 đồng, tiền ngày công bị mất của anh H2 21.000.000 đồng, tiền mất thu nhập của người chăm sóc 3.150.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 20.050.000 đồng, tổng số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi xảy ra vụ việc bị cáo T3 đã bồi thường 23.5.000.000 đồng, bị cáo T đã bồi thường 2.000.000 đồng, bị cáo H1 đã bồi thường 3.000.000 đồng. Bị hại H2 yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường 21.500.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo H đã bồi thường 9.000.000 đồng giá trị của chiếc điện thoại cho bị hại H2, anh H2 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng:

Quá trình xác minh, điều tra Cơ quan CSĐT đã tạm giữ:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 promax, vỏ màu vàng, đã hư hỏng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo T ý kiến: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, phạm tội khi chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt ở mức từ 9 tháng đến 12 tháng tù và đề nghị miễn giảm án phí cho T.

Người bào chữa cho bị cáo H1 ý kiến: Về tội danh thống nhất, bị cáo là người chưa thành niên, khi phạm tội mới qua 16 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt ở mức 9 tháng cải tạo không giam giữ và đề nghị miễn giảm án phí cho H1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Hùn: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người đại diện cho bị cáo Phạm Văn H1, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 04/8/2024, tại rẫy keo của ông Phạm Văn T11 thuộc thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, sau khi nhóm của các bị cáo Phạm Văn T3, Phạm Anh T, Phạm Văn H1, Phạm Văn H nhậu với nhóm của bị hại H2 hết bia thì đi ra chỗ lấy xe cách đó khoảng 10 m để về thì nghe Phạm Văn P nói bị H2 đánh vào bụng và bóp tay của P và bóp tay bị cáo H1 nên bị cáo T, bị cáo H1 cùng với P, Phạm Văn T6, Phạm Văn Đ, Phạm Văn P1, Phạm Văn H4 quay lại chỗ nhóm của H2. Khi gần đến chỗ H2 thì P, Đ, P1, H4 đi qua bên kia đường đứng cách chỗ Hùn 10m, chỉ có T6, T, H1 đi vào trong chỗ H2 đang nằm. Tại đây, T6 hỏi nhóm của H2 ai là người đánh bạn của T6, lúc này Phạm Văn S2 và Phạm Văn H8 lên xe bỏ chạy thì T6 cầm theo mũ bảo hiểm đuổi theo S2 và H8; còn bị cáo T thấy H2 im lặng không trả lời mà còn dùng tay đánh bị cáo T nhưng không trúng vào người bị cáo T, bị cáo T dùng tay đánh lại và cả hai cùng ôm vật nhau dưới đất và bị cáo T la to “nó đánh em”. Cùng lúc đó bị cáo H1 dùng tay, chân đánh H2. Khi nghe bị cáo T la, bị cáo T3 đang ở chỗ xe lấy dao trên xe của mình sau đó chạy đến nhắm vào lưng H2 nhưng do trời tối bị cáo T và bị hại H2 mặc áo trắng giống nhau nên vết dao trúng nhầm vào lưng của bị cáo T. Sau đó bị cáo T3 nhắm vào lưng của H2 để chém nhưng do bị cáo T đẩy H2 ra nên nhát dao trúng vào đầu của H2. Hùn ôm đầu thì bị cáo T3 sợ không chém nữa mà bỏ ra chỗ để xe về. Còn bị cáo T ra chỗ để xe lấy con dao trên xe của N1 quay vô thấy H2 đang nằm úp dưới đường, bị cáo H2 tiếp tục chém nhiều nhát vào lưng, vai, tay của H2 cho bỏ tức rồi về. Hậu quả làm cho H2 bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể 17%. Riêng bị cáo H trước khi ra về thì thấy điện thoại Iphone 11 promax của H2 rơi dưới đường nên đã lấy và đập xuống lòng đường làm hư hỏng chiếc điện thoại.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả ba bị cáo Phạm Văn T3, Phạm Anh T, Phạm Văn H1 không có thỏa thuận, bàn bạc trước về việc đánh anh H2 nhưng khi thấy bị cáo T đánh H2 thì bị cáo H1 cũng xông vào đánh và bị cáo T3 đã cầm dao vào chém nên có thể thấy cả ba bị cáo thống nhất ý chí về việc gây thương tích cho anh H2 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 17%, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ nhất nên hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ và các bị cáo có dùng dao là hung khí nguy hiểm nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi đã truy tố ba bị

cáo T3, T, H1 về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Phạm Văn H mặc dù không tham gia gây thương tích cho bị hại H2 nhưng trước khi ra về thấy điện thoại Iphone 11 Promax của bị hại rơi dưới đường nên đã đập làm hư hỏng hoàn toàn, gây thiệt hại 9.000.000 đồng, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo H là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi tội phạm:

Hành vi của các bị cáo Phạm Văn T3, Phạm Anh T, Phạm Văn H1 là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý dùng tay chân và dao gây thương tích cho bị hại H2 làm cho anh H2 bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể 17%. Do đó, cần xử phạt các bị cáo T, T3, H1 một mức án phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Đối với bị cáo T: không có mâu thuẫn gì lớn trước đó với H2, chỉ vì bị H2 đánh nhưng đánh không trúng mà đã bực tức và dùng dao chém nhiều nhát vào lưng, vai, tay H2 khi H2 đã bị bị cáo T3 chém trước đó và nằm úp dưới đường, làm cho H2 bị thương tích 16%, điều đó thể hiện hành vi của bị cáo rất hung hăng, liều lĩnh, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi với vai trò tích cực nhất.

Đối với bị cáo T3: cũng không có mâu thuẫn gì trước đó với H2, chỉ vì nghe bị cáo T la bị nhóm của H2 đánh, thay vì đến can ngăn thì bị cáo đã dùng dao chạy đến chém vào lưng nhưng trúng vào đầu của H2, làm cho H2 bị thương tích 1%, bị cáo chỉ chém 1 lần, thương tích không lớn nhưng chứng tỏ bị cáo cũng là người xem thường pháp luật.

Do đó cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo T và xử lý nghiêm đối với bị cáo T3 để giáo dục hai bị cáo này và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo H1: chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất bị anh H2 bóp tay mà đã gọi nhóm của mình quay lại để hỏi chuyện và khi anh H2 với bị cáo Tuấn vật nhau đã không can ngăn mà còn đánh H2, bị cáo chỉ dùng tay chân đánh, không để lại thương tích cho bị hại nên chỉ cần xử lý bị cáo với mức án phù hợp với hành vi của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Phạm Văn H có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc hủy hoại tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện làm cho bị hại H2 bị thiệt hại chiếc điện thoại trị giá 9.000.000 đồng. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: cả 4 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại do mình gây ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị

cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo H có thêm 1 tình tiết là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt:

Bị cáo Phạm Anh T là người có vai trò tích cực trong vụ án nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T3 và bị cáo H1, tuy nhiên bị cáo thực hiện hành vi khi chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên để ấn định mức án phù hợp cho bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

Đối với bị cáo Phạm Văn T3: gây thương tích 1%, mức độ thương tật thấp hơn bị cáo T nên khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ hơn so với bị cáo T và cần phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

Đối với bị cáo Phạm Văn H1: Bị cáo chỉ dùng tay chân đánh H2, bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu, bị cáo khi phạm tội và tại thời điểm hiện nay bị cáo là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên để ấn định mức án phù hợp cho bị cáo, xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo được cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát của địa phương là đảm bảo rắn đe, giáo dục bị cáo. Bị cáo là người chưa thành niên nên không khấu trừ thu nhập.

Bị cáo Phạm Văn H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đây là lần đầu tiên bị cáo phạm tội, bị cáo thực hiện hành vi khi chưa đủ 18 tuổi nên khi lượng hình cần xem xét áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên và cho bị cáo được cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát của địa phương để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội; bị cáo thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Các bị cáo đều có trên hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét xử lý nhẹ hơn cho các bị cáo.

[6] Về phần dân sự: Bị hại Phạm Văn H2 yêu cầu bồi thường 50.000.000 đồng. Sau khi xảy ra vụ việc bị cáo T3 đã bồi thường 23.500.000.000 đồng, bị cáo T đã bồi thường 2.000.000 đồng, bị cáo H1 đã bồi thường 3.000.000 đồng; còn lại 21.500.000 đồng bị hại H2 và bị cáo T thống nhất thỏa thuận việc bị cáo T tiếp tục bồi thường 21.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo Phạm Văn H đã bồi thường 9.000.000 đồng giá trị của chiếc điện thoại cho bị hại H2 và anh H2 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, vỏ màu vàng của Phạm Văn H2, bị hư hỏng nặng nề, không còn sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 2 con dao mà bị cáo T3 và bị cáo T đã sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không có cơ sở xử lý.

Đối với anh Phạm Duy N1, anh N1 đã cầm dao theo khi đi chơi với nhóm của bị cáo T3, tuy nhiên anh N1 không biết các bị cáo đã sử dụng dao của mình gây thương tích cho anh H2 nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với Nhất là có cơ sở.

Đối với ông Phạm Văn H5 là cha của anh N1, chủ sở hữu của hai con dao mà T và T3 sử dụng, ông H5 không biết việc anh N1 mang dao đi, không biết các bị cáo lấy và sử dụng như thế nào nên không xem xét xử lý đối với ông H5 là có cơ sở.

Đối với Phạm Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn H4, Phạm Văn Đ và Phạm Văn P1: là những người có đi cùng với các bị cáo xuống để hỏi chuyện Hùn. Tuy nhiên, khi đến gần chỗ H2 nằm, chỉ có T6, T, H1 vào nói chuyện với H2, còn P, H4, Đ, P1 qua bên kia đường đứng cách chỗ H2 nằm 10m. Riêng Phạm Văn T6 dùng mũ bảo hiểm đuổi theo Phạm Văn S2 và Phạm Văn H8 khi thấy H8 và S2 bỏ chạy, T6 không gây thương tích cho ai, tại phiên tòa các bị cáo và những người liên quan đều xác định T6, P, H4, Đ, P1 không gây thương tích cho ai và cũng không có hành vi vi phạm nào khác. Do đó, Cơ quan điều tra không kết luận vai trò đồng phạm của các cá nhân này, không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

Đối với Phạm Hạ T7: Các bị cáo và những người liên quan khác có mặt tại phiên tòa xác định T7 không đi cùng với nhóm của bị cáo T đến hỏi chuyện Hùn, hiện tại T7 không có mặt tại địa phương nên không có cơ sở xử lý đối với T7.

Đối với hành vi Phạm Văn T3 dùng dao chém trúng vào người của Phạm Anh T nhưng không để lại thương tích, đồng thời T có đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét xử lý đối với hành vi của Phạm Văn T3.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 11, 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo T, T3, H là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí hình sự (dân sự) sơ thẩm, bị cáo H1 là dưới 18 tuổi nên không phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về căn cứ truy tố, luận tội và mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự; Điều 119 và 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên

Tuyên bố bị cáo Phạm Anh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt bị cáo Phạm Anh T 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T3 phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T3 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù.

3. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự; Điều 118 và 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được Quyết định thi hành án đối với bị cáo Phạm Văn H1.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Văn H1.

Giao bị cáo Phạm Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Phạm Văn H1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ theo Luật thi hành án hình sự.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự; Điều 118 và 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Hủy hoại tài sản”

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Q nhận được Quyết định thi hành án đối với bị cáo Phạm Văn H.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn H.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Phạm Văn H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ theo Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, vỏ màu vàng của Phạm Văn H2, bị hư hỏng nặng nề, không còn sử dụng được theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q với Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584 và 590 Bộ luật dân sự

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo với bị hại, buộc bị cáo Phạm Anh T có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Văn H2 21.500.000 đồng (*hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 11, 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: các bị cáo Phạm Anh T, Phạm Văn T3, Phạm Văn H là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí hình sự (dân sự) sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn H1 là dưới 18 tuổi nên không phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo H1 và người bào chữa cho bị cáo H1, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị cáo H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6 – Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

- Người tham gia tố tụng;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu văn phòng.
- .